

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 11/2019/HS-ST

Ngày: 25 - 02 - 2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Tuyên và Triệu Thị Danh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Năng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25/02/2019 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 122/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/HSST-QĐ ngày 23/01/2019 và thông báo lịch mở lại phiên tòa số 01/2019/TB-TA ngày 17 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Chu Thị L - sinh năm 1978, tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay: Buôn B, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Nùng; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chu Văn T - sinh năm 1956; con bà Hoàng Thị X, sinh năm 1956; có chồng là Đoàn Văn H - sinh năm 1978 (đã ly hôn năm 2012), có 04 con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự; không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ea H'leo từ ngày 27/8/2018, đến ngày 05/9/2018 chuyển sang tạm giam. Ngày 16 tháng 10 năm 2018, được Viện Kiểm sát huyện Ea H'leo ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lý Kiều L, sinh năm 1972; trú tại: Thôn a, xã M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt;

- Ông Nông Văn Q, sinh năm 1989; trú tại: Thôn a, xã W, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt;

- Ông Lê Ngọc L, sinh năm 1968; trú tại TDP C, thị trấn Đ, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ, ngày 26 tháng 8 năm 2018, Nông Văn Q đi đến nhà nghỉ 05 thuộc Buôn Lê B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk gặp Chu Thị L, là người quản lý nhà nghỉ. Tại đây, Q nói với L: “Gọi cho một gái bán dâm” thì L nói: “Để chị gọi cho”, rồi L chỉ Q vào phòng số 1 của nhà nghỉ. Sau đó, L dùng điện thoại di động hiệu TK mobile, gắn sim số 0945882842 gọi đến số điện thoại hiệu NoKia gắn sim số 0941650334 của Lý Kiều L là gái bán dâm và nói: “Chị ơi có khách”, thì L đi đến nhà nghỉ và Lơ chỉ L vào phòng số 1. L thỏa thuận với Q giá mỗi lần bán dâm là 400.000 đồng, trong đó, L được hưởng 300.000 đồng, tiền phòng trả cho L 100.000 đồng. Lúc này, Q đưa cho L 500.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày khi L và Q đang chuẩn bị mua bán dâm thì bị công an huyện E phát hiện và lập biên bản phạm tội quả tang. Tang vật thu giữ gồm 500.000 đồng, 02 điện thoại di động.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E xác định: Số tiền 500.000 đồng là của Nông Văn Q dùng để mua dâm; 01 điện thoại TK mobile, gắn sim 0945882842 là của Chu Thị L, 01 điện thoại Nokia gắn sim số 0941650334 là của Lý Kiều L, sử dụng để liên lạc việc phạm tội.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát Công an huyện E đã xác định căn phòng mua bán dâm thuộc sở hữu của ông Lê Ngọc L, ông L đã cho Chu Thị L thuê. Việc Lơ gọi gái bán dâm đến nhà nghỉ để bán dâm ông Lê Ngọc L không biết.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện E đã truy tố Chu Thị L về tội “Chứa mại dâm”, theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Chu Thị L phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Chu Thị L từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thách bằng 2 lần án đã tuyên.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ các điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 500.000 đồng là số tiền Nông Văn Q dùng để mua dâm; 01 điện thoại TK mobile của Chu Thị L, 01 điện thoại Nokia của Lý Kiều L sử dụng vào mục đích phạm tội;

Tịch thu tiêu hủy 01 sim số 0945882842 là của Chu Thị L và 01 sim số 0941650334 là của Lý Kiều L.

Đối với căn phòng số 1 của nhà nghỉ 05 là của ông Lê Ngọc L, ông Lê Ngọc L cho Chu Thị L thuê, ông L không biết bị cáo Lơ đã sử dụng căn phòng này để chứa mại dâm nên không có căn cứ xử lý.

Bị cáo không có tranh luận gì với đại diện Viện Kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện E, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện E, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo Chu Thị L đã khai nhận: Vào khoảng thời gian 15 giờ ngày 26 tháng 8 năm 2018, tại nhà nghỉ 05 thuộc địa bàn huyện EaH'Leo, tỉnh Đắk Lắk. Khi Nông Văn Q yêu cầu gọi cho một gái bán dâm thì Chu Thị L đã đồng ý và gọi cho Lý Kiều Liêm là gái bán dâm đến nhà nghỉ 05 do bị cáo Lơ quản lý để bán dâm. Sau đó, khoảng 16 giờ cùng ngày, khi Liêm và Quyết đang có hành vi chuẩn bị mua bán dâm tại phòng số 1 của nhà nghỉ số 05 do Chu Thị L quản lý thì bị Công an huyện Ea H'leo phát hiện và lập biên bản phạm tội quả tang.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Chứa mại dâm” được quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”

Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục và đạo đức xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực để nhận thức rõ hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, nhưng do ý thức coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy, buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

Đối với hành vi mua dâm của Nông Văn Q và hành vi bán dâm của Lý Kiều L đã bị Cơ quan Công an huyện E xử phạt vi phạm hành chính nên không đề cập xem xét.

[3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có hạn chế. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, khi xem xét, áp dụng khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành thật khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo hiện đang phải trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng 2 con chưa đến tuổi trưởng thành. Do vậy, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng bằng biện pháp có điều kiện cũng đảm bảo tính giáo dục riêng và ngăn ngừa chung. Mặt khác, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội tự rèn luyện để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Xét hoàn cảnh bị cáo khó khăn, bị cáo không có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Về xử lý vật chứng: Cần Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 500.000 đồng là của Nông Văn Q dùng để mua dâm; 01 điện thoại TK mobile của Chu Thị L, 01 điện thoại Nokia của Lý Kiều Liêm, sử dụng để liên lạc việc phạm tội; Tịch thu tiêu hủy 01 sim số 0945882842 là của Chu Thị L và 01 sim số 0941650334 là của Lý Kiều Liêm.

Đối với căn phòng số 1 của nhà nghỉ 05 là của ông Lê Ngọc Lan, ông Lê Ngọc Lan cho Chu Thị L thuê, ông Lan không biết bị cáo Lơ đã sử dụng căn phòng này để chứa mại dâm nên không có căn cứ xử lý.

[6]. Về án phí: Cần buộc Bị cáo Chu Thị L phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Chu Thị L phạm tội “Chứa mại dâm”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Chu Thị L 01 năm 3 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm 6 tháng, tính từ ngày tuyên án (25/02/2019).

Trong thời gian thử thách, giao bị cáo cho UBND thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ các điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 500.000 đồng là số tiền Nông Văn Q dùng để mua dâm; 01 điện thoại TK mobile của Chu Thị L, 01 điện thoại Nokia của Lý Kiều Liêm sử dụng vào mục đích phạm tội;

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim số 0945882842 là của Chu Thị L và 01 sim số 0941650334 là của Lý Kiều Liêm.

Đối với căn phòng số 1 của nhà nghỉ 05 là của ông Lê Ngọc Lan, ông Lê Ngọc Lan cho Chu Thị L thuê, ông Lan không biết bị cáo Lơ đã sử dụng căn

phòng này để chứa mại dâm nên không có căn cứ xử lý.

(Đặc điểm các vật chứng được mô tả tại biên bản thu giữ, giao nhận vật chứng lưu tại hồ sơ vụ án).

Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Chu Thị L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Chu Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện E;
- Cơ quan THAHS CA huyện E;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ CA huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Bộ phận THAHS TAND huyện E;
- Bị cáo; các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Thủy